

Điện Biên Phủ, ngày 18 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách kỳ 1 năm học 2025-2026 của trường Mầm non Him Lam

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-MNHL ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng trường mầm non Him Lam về việc phê duyệt danh sách học sinh hưởng chế độ chính sách theo ND 238/2025/ND-CP Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo từ tháng 9 đến tháng 12/2025 (học kỳ 1 năm học 2025-2026);

Trường Mầm non Him Lam thông báo:

1. Hồ sơ niêm yết công khai: Danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách học kỳ 1 năm học 2025-2026 (từ tháng 9 đến tháng 12/2025).
2. Hình thức công khai:
 - Bảng tin nhà trường
 - Cổng thông tin điện tử, website của nhà trường
3. Địa điểm niêm yết công khai: Trường Mầm non Him Lam
4. Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 19/11/2025.

HIỆU TRƯỞNG



Lò Thị Kim Thông

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 – 2026.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HIM LAM

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ :Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Công văn số 2776/SGDDĐT-KHTC, ngày 15/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Công văn số 361/CV-VHXXH, ngày 24/9/2025 của phòng văn hóa xã hội Phường Điện Biên Phủ về triển khai chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 26/9/2025 của trường Mầm non Him Lam về việc họp xét học sinh thuộc diện hưởng chế độ chính sách kỳ 1 năm học 2025 – 2026 ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

1. Chế độ miễn học phí kỳ 1 năm học 2025 – 2026 gồm 224 học sinh.

Trong đó:

- Đối tượng miễn thuộc khu vực I là: 217 học sinh.
- Đối tượng miễn thuộc khu vực III là : 07 học sinh.

Tổng kinh phí là : **35.420.000 đồng** (Ba mươi năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

2. Chế độ hỗ trợ chi phí học tập gồm: 02 học sinh

Tổng kinh phí là: **1.200.000 đồng** (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

3. **Tổng cộng (1+2): 36.620.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Giao bộ phận kế toán Trường Mầm non Him Lam phối hợp với giáo viên chủ nhiệm 10 lớp tổ chức chi trả chế độ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước khi được UBND phường Điện Biên Phủ cấp đủ kinh phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) kế toán, giáo viên chủ nhiệm 10 lớp, cá nhân trong danh sách có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KT,HT&ĐT.
- UBND phường ĐBP
- Lưu: VT,KT

HIỆU TRƯỞNG



Lò Thị Kim Thông

UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HIM LAM

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Từ tháng 9 đến tháng 12/2025. Năm học 2025-2026

THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP, NGÀY 03/9/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Mồ côi	Khuyết tật	Thôn, bản ĐBKK	Hộ nghèo	Số tháng được hưởng	Định mức (150.000đ)	Thành tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Tên tài khoản	Mối quan hệ với học sinh hưởng chính sách
1	Nguyễn Lan Anh	Lớp Lớn 2		1			4	150.000	600.000	105879861853	Vietinbank	Nguyễn Văn Duy	Bố
2	Phạm Hồng Đăng	Lớp Lớn 1		1			4	150.000	600.000	101899299899	Vietinbank	Lê Tuyết Như Phương	Mẹ
Cộng				2					1.200.000				

Tổng tiền bằng chữ: Một triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn.

KẾ TOÁN



Vũ Thị Hồng Thắm

Điện Biên Phủ, Ngày 26 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
HIM LAM

Lò Thị Kim Thông

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025-2026 (Từ tháng 09 đến tháng 12/2025)**

Số TT	Chỉ tiêu	Lớp	Đối tượng	Đối tượng miễn 100%			Mức thu học phí (Triệu đồng)			Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
				KV I	KV II	KV III	KV I	KV II	KV III			
1	Trường MN Him Lam			217	-	7					35,420	
1	Vũ Bảo Anh	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
2	Lê Đức Anh	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
3	Nguyễn Châu Anh	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
4	Nguyễn Hồng An Bình	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
5	Hồ Ngọc Châu	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
6	Lường Nhất Duy	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
7	Phạm Quang Đăng	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
8	Phạm Hồng Đăng	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
9	Trần Minh Đức	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
10	Bùi Gia Hân	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
11	Lường Gia Hưng	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
12	Vũ Gia Huy	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
13	Lò Bảo Minh	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
14	Trần Hoàng Nguyên	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
15	Đoàn Minh Quân	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
16	Nguyễn An Sơn	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
17	Trần Anh Thư	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
18	Bùi Thảo Vy	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
19	Ngô Hoàng An Vy	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
20	Vũ Thanh Thảo	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
21	Nguyễn Hoàng Dương	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
22	Diệp Thành Phong	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
23	Lầu A Trung	Lớp Lớn 1	Khu vực III			1	0,040	0,030	0,025	4	0,100	
24	Vũ Tiến Đạt	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	



25	Dương Bách Tùng	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
26	Nguyễn Ng Bảo Châu	Lớp Lớn 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
27	Lò Quốc Anh	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
28	Lường Hoàng Anh	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
29	Lương Vương Anh	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
30	Nguyễn Tuệ Anh	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
31	Đỗ Quốc Bảo	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
32	Trịnh Quốc Bảo	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
33	Ngô Linh Đan	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
34	Trịnh Linh Đan	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
35	Phạm Hải Đăng	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
36	Lò Mai Anh Đức	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
37	Nguyễn Ngọc Hoa	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
38	Vũ Mạnh Hùng	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
39	Phạm Gia Hưng	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
40	Nguyễn Phúc Huy	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
41	Lường Quang Khải	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
42	Vũ Trí Khang	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
43	Bùi Anh Khôi	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
44	Nguyễn Tuấn Lâm	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
45	Sùng Nhật Lâm	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
46	Nguyễn Duy Long	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
47	Trần Đức Bảo Long	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
48	Hoàng Ngọc Kiều Mai	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
49	Đinh Kim Ngân	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
50	Lê Khánh Ngân	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
51	Nguyễn Hải Phong	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
52	Đào Ph. Minh Phúc	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
53	Hoàng Trí Thiện	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
54	Phạm Ngọc Nhã Uyên	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
55	Nguyễn Duy Anh Vũ	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
56	Trần Gia Huy	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
57	Nguyễn Lan Anh	Lớp Lớn 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
58	Võ Ngọc Quỳnh Anh	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	
59	Nguyễn Thành Nam	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160	

60	Lã Phi Bách	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
61	Lê Hoàng Gia Bảo	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
62	Lê Gia Bảo	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
63	Đặng Phúc Khang	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
64	Nguyễn Linh Chi	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
65	Nguyễn Bảo Châu	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
66	Sùng Ánh Dương	Lớp Lớn 3	Khu vực III			1	0,040	0,030	0,025	4	0,100
67	Phạm Ngọc Gia Hân	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
68	Vì Lê Bảo Hiếu	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
69	Vũ Việt Hoàng	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
70	Nguyễn Phương Linh	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
71	Dương N. Tường Lam	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
72	Vũ Phương Ngân	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
73	Nguyễn An Nhiên	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
74	Bùi Ngọc Quân Nhi	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
75	Lê Mạnh Trường	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
76	Giàng Giang Sơn	Lớp Lớn 3	Khu vực III			1	0,040	0,030	0,025	4	0,100
77	Nguyễn Bảo Duy	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
78	Trần Bảo Ngọc	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
79	Trần Thu Hà	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
80	Lê Phạm Khánh Hà	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
81	Trần Quang Dũng	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
82	Nguyễn Đăng Đức	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
83	Phạm Ngọc Bích	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
84	Bùi Ánh Dương	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
85	Vũ Trần Thanh Nhân	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
86	Vũ Hiền Thương	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
87	Phí Minh Thành	Lớp Lớn 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
88	Trần Tuệ An	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
89	Nguyễn Quỳnh Anh	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
90	Lương Hg Châu Anh	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
91	Đặng Quang Anh	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
92	Lê Hoàng Bách	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
93	Phạm Trần Bảo Châu	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
94	Đặng Quỳnh Châu	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160



95	Nguyễn Tiến Dũng	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
96	Nguyễn Tiến Đạt	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
97	Trần Hồng Hà	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
98	Đỗ Gia Hưng	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
99	Nguyễn Minh Khang	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
100	Nguyễn Gia Khánh	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
101	Lê Đức Kiên	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
102	Phạm Tiến Minh	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
103	Nguyễn Ngọc Nam	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
104	Phan Minh Ngân	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
105	Lê Hồng Quân	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
106	Phạm Nhật Anh Quân	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
107	Khoàng Thái Sơn	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
108	Trần Hoàng Sơn	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
109	Đặng Thảo Vy	Lớp Nhỡ 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
110	Lê Hoài An	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
111	Lò Việt Anh	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
112	Nguyễn Lê Bảo Châu	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
113	Phạm Bảo Châu	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
114	Loan Đức Chính	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
115	Ngô Vũ Ánh Dương	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
116	Nguyễn Gia Hân	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
117	Phạm Việt Hoàng	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
118	Lê Phúc Hưng	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
119	Đoàn Khánh Ngân	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
120	Ng Chí Minh Khang	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
121	Phạm Anh Khoa	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
122	Thái Nhật Minh	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
123	Nguyễn Trí Kiên	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
124	Trần Ngọc Khánh	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
125	Nguyễn Minh Khôi	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
126	Nguyễn Tuấn Kiệt	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
127	Lò Hà Hương Giang	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
128	Phạm Khánh Linh	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
129	Lường Bảo Quyên	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160

130	Đoàn Vinh Quang	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
131	Trần Thanh Vân	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
132	Trần Ánh Ngọc	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
133	Đỗ Phú Kiên	Lớp Nhỡ 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
134	Đặng Minh Dương	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
135	Lê Ánh Dương	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
136	Ngô Minh Nhật	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
137	Lê Danh Nghĩa	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
138	Cà Tùng Lâm	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
139	Nguyễn P Anh Khôi	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
140	Trịnh Lâm Oanh	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
141	Nông Thị Thủy Tiên	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
142	Nguyễn Minh Trí	Lớp Nhỡ 3	Khu vực III		1		0,040	0,030	0,025	4	0,100
143	Vũ P Phương Nhi	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
144	Cà Hải Minh	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
145	Đỗ Huy Hùng	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
146	Chu Minh Hoàng	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
147	Nguyễn Phúc Thịnh	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
148	Trần Hồng Phong	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
149	Vàng Khánh Vy	Lớp Nhỡ 3	Khu vực III		1		0,040	0,030	0,025	4	0,100
150	Nguyễn Phúc Lâm	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
151	Phạm Anh Quân	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
152	Lò Quỳnh Chi	Lớp Nhỡ 3	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
153	Hoàng Tuệ Nhi	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
154	Lò Duy Thành	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
155	Nguyễn Minh Đạt	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
156	Nguyễn Minh Khang	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
157	Quách Tường San	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
158	Trần Đức Hải Nam	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
159	Trần Kim Bảo	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
160	Vàng Chính Vương	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
161	Vũ Công Phong	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
162	Vũ Minh Hoàng	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
163	Vũ Minh Khang	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
164	Nguyễn Hải Đăng	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160

165	Hà Ngọc Cẩm Anh	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
166	Lê Minh Anh	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
167	Hồ Hương Giang	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
168	Nguyễn Thanh Bình	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
169	Lương Bách Tùng	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
170	Thịnh Uyên Thư	Lớp Bé 1	Khu vực III			1	0,040	0,030	0,025	4	0,100
171	Bùi Hoàng Bảo Khang	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
172	Vũ Quang Đại	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
173	Sùng Dương Minh	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
174	Đoàn Bảo Ngọc	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
175	Trần Đức Gia Huy	Lớp Bé 1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
176	Nguyễn Việt Anh	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
177	Lầu Tiến Đạt	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
178	Đào Tiến Đạt	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
179	Sùng Ngọc Gia Hân	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
180	Nguyễn Trung Kiên	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
181	Đào Thiện Khang	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
182	Ngô Gia Khôi	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
183	Nguyễn Minh Khôi	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
184	Lê Hoàng Minh Khôi	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
185	Hà Hồng Lan	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
186	Lường Bảo Lâm	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
187	Vũ Khánh Linh	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
188	Trần Hoàng Minh	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
189	Hạng Minh Nguyệt	Lớp Bé 2	Khu vực III			1	0,040	0,030	0,025	4	0,100
190	Phạm Anh Quân	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
191	Chu Thị Linh San	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
192	Nguyễn Anh Thư	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
193	Trương Anh Thư	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
194	Nguyễn Hữu Trọng	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
195	Nguyễn Xuân Trường	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
196	Nguyễn Khánh Vy	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
197	Phan vũ Minh Phương	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
198	Phan Vũ Minh Ngọc	Lớp Bé 2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
199	Dương Bình An	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160

200	Nguyễn Quỳnh Anh	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
201	Nguyễn Minh Phúc	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
202	Nguyễn Ngọc Bích	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
203	Nguyễn An Chi	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
204	Đặng Ngọc Bảo Hân	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
205	Nguyễn Phạm An Nhi	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
206	Phạm Minh Quang	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
207	Lương Khải Triều	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
208	Triệu Minh Khang	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
209	Bế Vĩnh Thành	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
210	Phạm Lê Diệp Anh	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
211	Nguyễn Yến Nhi	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
212	Nguyễn Bảo Chi	Lớp NT1	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
213	Vũ Thu Giang	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
214	Quảng Minh Khang	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
215	Trần Hồng Đăng	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
216	Nguyễn Đức Kiên	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
217	Phạm Hải Đăng	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
218	Ng. H. Bảo Phương	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
219	Quảng Minh Nhật	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
220	Đặng Minh Ngọc	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
221	Nguyễn Hoàng Đức	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
222	Dương Bảo Long	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
223	Nguyễn Minh Ngọc	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160
224	Phạm Nhật Long	Lớp NT2	Khu vực I	1			0,040	0,030	0,025	4	0,160

Him Lam, ngày 26 tháng 9 năm 2025

KÊ TOÁN



Vũ Thị Hồng Thắm

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG MẦM NON
HIM LAM
Lò Thị Kim Thông